

Biểu mẫu 10
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, học kì I năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2184	685	530	426	543
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2139 97,9%	661 96,5%	501 94,53%	408 95,77 %	498 91,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49 2,41%	24 3,5	29 5,47	18 4,23	40 7,37
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,24%	0	0	4 0,72	5 0,93
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	2184	685	530	426	543
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1060 48,54	351 51,24	278 52,45	201 47,18	230 42,36
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	736 33,7	242 35,33	178 33,58	132 30,99	184 33,89
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	324 14,84	79 11,53	67 12,64	76 17,84	102 18,78
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	60 2,75	13 1,9	7 1,32	17 3,99	23 4,24
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	04 0,18				04 0,74

III	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1151/1033	360/325	272/258	231/195	288/255
IV	Số học sinh dân tộc thiểu số	208	62	44	41	61

Quận 6, ngày 15 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đặng Trung Hiếu

Chữ và tên (theo lớp)				Tổng số	
Lớp 9	Lớp 8	Lớp 7	Lớp 6		STT
243	420	520	687	2174	I Số học sinh dân tộc thiểu số
492	881	901	661	3138	Tổng
91,7%	94,33%	94,33%	90,7%	91,7%	(tỷ lệ so với tổng số)
40	18	20	21	10	II Số học sinh dân tộc thiểu số
7,37	4,33	2,47	2,2	2,41%	Tổng
3	4	0	0	7	(tỷ lệ so với tổng số)
0,93	0,73	0	0	0,34%	Yếu
0	0	0	0	0	(tỷ lệ so với tổng số)
243	420	520	687	2174	III Số học sinh dân tộc thiểu số
303	201	378	321	1000	Choi
47,3%	47,18	25,37	21,24	48,24	(tỷ lệ so với tổng số)
181	173	178	243	786	Kinh
23,8%	20,90	13,38	12,33	33,7	(tỷ lệ so với tổng số)
103	70	02	70	321	Trung bình
18,78	17,84	12,64	11,33	14,84	(tỷ lệ so với tổng số)
23	17	7	12	60	Yếu
4,34	2,00	1,35	1,9	2,74	(tỷ lệ so với tổng số)
04				04	Kinh
0,74				0,18	(tỷ lệ so với tổng số)

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, học kì I năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	43	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	43	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	07	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	4.890	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2.600	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	36	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	559,36	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100,8	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền	22	



	thông (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	324	
1.2	Khối lớp 7	165	
1.3	Khối lớp 8	64	
1.4	Khối lớp 9	12	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	08	
5	Nhạc Cụ	43	
6	Tivi Tương Tác	0	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	
2	Cát xét	03	

3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	08	
5	Nhạc Cụ	0	
6	Tivi Tương Tác	0	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	27,36
XI	Nhà ăn	105,12

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	35 Phòng 1.365	1.472	
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	



XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 6, ngày 15 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đặng Trung Hiếu

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

TRƯỜNG THCS LAM SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, học kì 1 năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	90	16	66	4				34	48	1				
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Văn	13	5	8					5	8					
2	Lịch sử	5		5					2	3					
3	Địa lý	5	2	3					4	1					
4	GDCD	3	1	2					1	1	1				
5	Tiếng Anh	10		10					2	8					
6	Toán	12	2	10					6	6					
7	Vật lý	4		4					2	2					
8	Hóa học	4	1	3						4					
9	Sinh vật	6	2	4					4	2					
10	Công nghệ	4		3	1				3	1					
11	Tin học	4		4					1	3					
12	Nhạc	3		1	2				2	1					
13	Mỹ thuật	2		2						2					
14	Thể dục	5		5					2	3					
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1	1							1					

2	Phó hiệu trưởng	2		2						2					
III Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1								

Quận 6, ngày 15 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đăng Trung Hiếu